

Số: 1345/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3498/QĐ-BNN-TCLN ngày 09/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 772/TTr-SNN ngày 15/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025” theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu Tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các Công ty TNHH MTV: Lâm nghiệp Trầm Hương, Lâm sản Khánh Hòa; Giám đốc các Ban quản lý rừng phòng hộ: Nam Khánh Hòa, Bắc Khánh Hòa; Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu



trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe. 28

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Văn Thiệu

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện “Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025” theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.**1. Mục đích.**

Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 góp phần thực hiện các hoàn thành chỉ tiêu của chiến lược phát triển Lâm nghiệp của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn tới. Việc triển khai thực hiện Chương trình sẽ góp phần quản lý, bảo vệ chặt chẽ hơn diện tích rừng và đất rừng hiện có; tạo công ăn việc làm cho nhân dân trong lâm phận đơn vị và vùng lân cận, góp phần xoá đói giảm nghèo cho lực lượng lao động tham gia sản xuất Lâm nghiệp trên địa bàn, hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy và khai thác lâm sản trái phép, nâng cao chất lượng rừng, giữ vững an ninh trật tự xã hội và quốc phòng; tuyên truyền phổ biến những chính sách của Nhà nước về lĩnh vực phát triển rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng đến người dân tại cộng đồng dân cư địa phương, giúp người dân hiểu và tham gia tích cực hơn trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Yêu cầu.

- Quản lý bảo vệ và phát triển có hiệu quả vốn rừng; đảm bảo chức năng của rừng được Nhà nước giao, góp phần cải tạo khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, chống xói mòn; giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt; bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm; thực hiện các dự án lâm sinh bảo đảm nâng độ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 đạt 46,5%.

- Phát triển tốt và sử dụng có hiệu quả, bền vững diện tích rừng và diện tích đất Lâm nghiệp. Thực hiện xã hội hóa hoạt động Lâm nghiệp để huy động ngày càng tăng sự đóng góp của các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội và nhân dân vào phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng.

- Phát triển Lâm nghiệp góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân miền núi, góp phần cải thiện đời sống xóa đói giảm nghèo và giữ vững an ninh quốc phòng, bảo vệ và chống lấn chiếm đất lâm nghiệp trái phép

- Bảo đảm cung cấp gỗ nguyên liệu và lâm sản ngoài gỗ cho công nghiệp chế biến, đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Đầu tư các công trình xây dựng cơ bản để hỗ trợ cho công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng và đất rừng được giao; từng bước cải thiện chất lượng các loại rừng, tăng diện tích rừng thông qua các hoạt động khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên. Góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ, của tỉnh Khánh Hòa trên địa bàn vùng thực hiện chương trình. Góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng khu vực.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU.

1. Về công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.

- Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Đồng thời 100% diện tích rừng của các Ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng là tổ chức thuộc các thành phần kinh tế được quản lý hiệu quả, bền vững.

- Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng (Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà), các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao.

2. Về công tác phát triển rừng.

a) Trồng cây xanh phân tán (Khu vực đô thị và nông thôn).

- Số lượng thực hiện là 4,953 triệu cây, trung bình mỗi năm trồng 990,6 ngàn cây.

- Loài cây trồng: Chọn loài cây trồng phù hợp với mục đích, cảnh quan và điều kiện sinh thái, tập quán canh tác của từng địa phương, từng khu vực cụ thể; ưu tiên trồng cây bản địa, các loài cây thân gỗ, cây đa mục đích có giá trị bảo vệ môi trường, tác dụng phòng hộ cao.

- Địa điểm trồng:

+ Khu vực đô thị, khu dân cư tập trung: Trồng trên đường phố, công viên, vườn hoa, quảng trường, khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, các công

trình tín ngưỡng, nhà ở và các công trình công cộng khác,...

+ Khu vực nông thôn: Trồng trên đất vườn nhà, hành lang giao thông, ven sông, kênh mương, bờ vùng, bờ thửa, nương rẫy; trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu văn hóa lịch sử, tôn giáo và các công trình công cộng khác; kết hợp phòng hộ trong khu canh tác nông nghiệp và các mảnh đất nhỏ phân tán; các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, đất bị suy thoái, sa mạc hóa, bãi thải khai thác khoáng sản và đất chưa sử dụng khác.

b) Trồng rừng tập trung.

- Số lượng: Tổng diện tích trồng rừng tập trung là 3.631 ha (*trồng rừng trên diện tích đất trống quy hoạch để phát triển Lâm nghiệp*), trong đó:

+ Trồng rừng phòng hộ: 1.840 ha;

+ Trồng rừng sản xuất: 1.791 ha.

- Chăm sóc rừng trồng (*đặc dụng, phòng hộ, sản xuất*): 10.494,66 ha, trong đó:

+ Rừng trồng phòng hộ, đặc dụng: 3.528,62 ha;

+ Rừng trồng sản xuất: 6.966,04 ha.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 19.908,03 ha.

- Trồng rừng ngập mặn: 435,67 ha.

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trồng bổ sung (Rừng ngập mặn): 420 ha.

3. Công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

- Công trình phòng cháy chữa cháy rừng: Bảo dưỡng băng cản lửa các nơi xung yếu 1.032,73 lượt/km, đảm bảo công tác phòng cháy cho các rừng trồng vào mùa khô nóng.

- Công trình xây dựng: Xây dựng mới nhà trạm quản lý bảo vệ rừng 06 cái; sửa chữa nhà trạm quản lý bảo vệ rừng 12 cái bảo đảm chất lượng đời sống sinh hoạt của lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; xây dựng mới chòi canh lửa 01 cái; sửa chữa chòi canh lửa 01 cái phục vụ công tác bảo vệ rừng, chống phá rừng tại các khu vực rừng tự nhiên có nguy cơ bị xâm hại cao.

4. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Xây dựng phương án Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và lập bản đồ phân vùng trọng điểm dễ cháy.



- Trang bị mua sắm bảo hộ, dụng cụ, thiết bị, phương tiện phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng.

III. CÁC NỘI DUNG ƯU TIÊN.

1. Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ven biển.

- Đầu tư bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có, thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng;

- Đầu tư khôi phục, phát triển hệ thống rừng phòng hộ, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển với suất đầu tư được xác định theo đúng định mức kinh tế - kỹ thuật và điều kiện cụ thể của nơi trồng;

- Đầu tư trang thiết bị bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng; xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ rừng, bảo tồn, phát triển rừng tại các Công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng, đảm bảo đủ điều kiện cho các hoạt động thường xuyên, cho công tác tuần tra bảo vệ rừng. Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho các đơn vị, địa phương có vùng nguyên liệu tập trung, nơi có điều kiện kinh tế xã hội, khó khăn;

- Ưu tiên bố trí nguồn lực để tổ chức thực hiện các dự án: điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng toàn quốc; xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống giám sát rừng tự động phát hiện cháy rừng; ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều tra, giám sát tài nguyên rừng.

2. Phát triển giống cây lâm nghiệp, trồng rừng gỗ lớn.

- Đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển giống cây Lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ, gồm: Chọn, tạo, chuyển giao, sản xuất, cung ứng giống theo hướng công nghiệp, hiện đại, tạo đột phá mới về năng suất, chất lượng sản phẩm;

- Hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, rừng chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn.

3. Phát triển lâm sản ngoài gỗ.

Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng địa phương, vùng, miền; xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung cây lâm sản ngoài gỗ gắn với phát triển công nghiệp chế biến, tạo những sản phẩm đặc trưng cho từng vùng và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

4. Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản.

Hỗ trợ đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản theo cơ chế, chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn và theo quy định của pháp luật.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.

Kế hoạch Đầu tư chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo tiến độ các năm như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn 2021-2025		Chia theo năm					Ghi chú
			Tổng	Bình quân	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	Công tác Lâm sinh	ha	34.891,36	6.806,74	7.011,42	7.462,80	6.861,39	6.556,12	6.999,63	
		nghìn cây	4.953,00	990,6	1.064,00	957	946	988	998	
1	Trồng cây phân tán	nghìn cây	4.953,00	990,60	1.064,00	957	946	988	998	
2	Trồng rừng tập trung	ha	3.631,00	726,20	708	739	729	733	724	
3	Chăm sóc rừng	ha	10.494,66	2.098,93	2.502,71	2.374,35	1.872,71	1.666,19	2.078,70	
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	ha	19.908,03	3.981,61	3.800,71	4.016,73	3.946,73	4.046,93	4.096,93	
5	Trồng rừng ngập mặn	ha	435,67	87,13	-	222,72	212,95	-	-	
6	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh trồng bổ sung (Rừng ngập mặn)	ha	420,00	84,00	-	110	100	110	100	
II	Hoạt động bảo vệ rừng									
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng Lâm nghiệp	<i>Theo phụ biểu đính kèm</i>								
2	Công tác phòng cháy chữa cháy rừng.	<i>Theo phụ biểu đính kèm</i>								

- Các địa phương có thể điều chỉnh linh hoạt giữa chỉ tiêu trồng cây xanh phân tán với cây xanh trồng rừng tập trung và Kế hoạch thực hiện từng năm cho phù hợp với điều kiện thực tế, nhưng tổng chỉ tiêu trồng cây xanh tối thiểu cả giai đoạn không được giảm.

- Các địa phương căn cứ chỉ tiêu Kế hoạch trồng cây xanh của tỉnh, xây dựng Kế hoạch trồng cây xanh cụ thể, phân bổ chỉ tiêu cho các chủ rừng nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức, cá nhân.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN.

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các địa phương, đơn vị chủ rừng xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Cơ chế, chính sách.

- Vận dụng có hiệu quả các chính sách hiện hành theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản liên quan. Đồng thời, tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách mới như: Chính sách thúc đẩy xã hội hóa Lâm nghiệp, phát triển Lâm nghiệp cộng đồng, chính sách cung ứng tín chỉ các bon rừng,...

- Thực hiện tốt chính sách khoán quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và làm giàu từ rừng cho người dân, cộng đồng dân cư; gắn việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích người dân nhận khoán bảo vệ rừng và trồng rừng.

- Khuyến khích phát triển các hoạt động dịch vụ môi trường rừng, cho thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm tạo nguồn thu để bù đắp các chi phí, nâng cao thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thay thế dần đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật.

Tăng cường công tác truyền thông về vai trò, giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng và an ninh của rừng; triển khai hiệu quả các chương trình giáo dục, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho người dân, nâng cao ý thức xã hội về quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng chống chặt, phá rừng trái pháp luật; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, rừng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

3. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp.

- Phối hợp trong việc xây dựng, triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương; bảo đảm quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế của rừng và giá trị văn hóa, lịch sử; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế của người dân;

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, xử lý kiên quyết các vi phạm pháp luật đối với hoạt động mua bán, chuyển nhượng rừng và đất lâm nghiệp trái phép;

- Tiếp tục giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và các thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật để đảm bảo toàn bộ diện tích rừng đều có chủ rừng thực sự, đồng thời nâng cao hiệu quả trong quản lý rừng, phát triển rừng;

- Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng, phát triển rừng, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản.

4. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty Lâm nghiệp vốn nhà nước; khuyến khích hình thành các Công ty cổ phần hóa, hợp tác xã Lâm nghiệp và các hình thức liên kết hợp tác giữa các chủ rừng trong phát triển rừng sản xuất để hình thành vùng nguyên liệu tập trung phù hợp với quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền;

- Tổ chức sản xuất theo liên kết chuỗi, từ trồng rừng, khai thác rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp lớn, có uy tín, có thương hiệu trong sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản gắn với vùng nguyên liệu;

- Khuyến khích hình thành các hiệp hội hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ...; nâng cao năng lực cho chủ rừng, doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, thương mại trong nước và quốc tế;

- Tiếp tục nghiên cứu, nhân rộng các mô hình hợp tác trong Lâm nghiệp; thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi về thể chế để nông dân, hộ gia đình cùng doanh nghiệp tổ chức sản xuất lâm nghiệp hàng hóa; khai thác và tận dụng lợi thế nền Lâm nghiệp nhiệt đới, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn.

5. Khoa học, công nghệ và khuyến lâm.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề tài khoa học công nghệ nghiên cứu, chọn tạo cải thiện giống cây rừng, lâm sản ngoài gỗ (cây bản địa, cây nhập nội có năng suất, chất lượng cao); kỹ thuật thâm canh rừng phục vụ phát triển rừng sản xuất. Chú trọng thực hiện các chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ chế biến gỗ và lâm sản; phát triển công nghiệp phụ trợ. Có cơ chế gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp và người trồng rừng. Kết hợp nghiên cứu với đào tạo, chuyển giao công nghệ và hoạt động khuyến lâm.

- Đầu tư tăng cường năng lực quản lý, điều phối, giám sát ngành lâm nghiệp. Duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu về theo dõi, giám sát đánh giá Chương trình gắn với công tác thống kê ngành Lâm nghiệp; tổ chức thực hiện hiệu quả điều tra, đánh giá tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh; tăng cường năng lực báo cáo, đảm bảo thông suốt, kịp thời, hiệu quả, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Thực hiện chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

6. Phát triển nguồn nhân lực.

Khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện các chương trình hợp tác trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường.

7. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại.

- Tranh thủ nguồn vốn của các chương trình, dự án hợp tác quốc tế để phát triển lâm nghiệp, trong đó ưu tiên các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển rừng ven biển gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; giảm phát thải khí nhà kính, dịch vụ môi trường rừng; các chương trình, dự án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành lâm nghiệp;

- Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; chủ động thích ứng với những rào cản kỹ thuật, quy định pháp lý của các thị trường nhập khẩu;

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tiêu thụ và thương mại lâm sản; đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp trong nước phát triển.

8. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

+ Bảo vệ ổn định diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng hiện có. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân sống và làm việc xung quanh lâm phần; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm; kết hợp với chính quyền địa phương trong công tác định canh định cư, tạo việc làm và góp phần xoá đói giảm nghèo cho nhân dân trong vùng dự án.

+ Tổ chức tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo phương châm “phòng là chính, chữa cháy phải kịp thời” trên nguyên tắc 4 tại chỗ và tuân thủ các văn bản quy định của Nhà nước.

+ Thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng quy định tại Điều 37 của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Chương IV của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT “Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng”.

- Phát triển rừng.

Thực hiện trồng rừng, chăm sóc rừng trồng phòng hộ và rừng trồng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên áp dụng theo đúng các quy trình, quy phạm đã được Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Là cơ quan thường trực thực hiện Kế hoạch, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương, các đơn vị tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan điều hành, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

- Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ hằng năm (hoặc đột xuất) tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá 5 năm kết quả thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan tổng hợp, đánh giá, đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất trong thời gian đóng cửa rừng theo quy định tại Điều 32 Luật Lâm nghiệp,

- Chủ trì và phối hợp với các bộ ngành có liên quan sửa đổi bổ sung, xây dựng mới các chính sách trình cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm cho việc

thực hiện Chương trình;

- Phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tổng hợp nguồn vốn thực hiện Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển để thực hiện Chương trình;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hướng dẫn kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình.

3. Sở Tài chính.

- Sở Tài chính phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cân đối theo khả năng ngân sách để tham mưu trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với nhiệm vụ thuộc phạm vi vốn sự nghiệp do ngân sách địa phương đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan về Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xác định cụ thể vị trí, ranh giới diện tích đất quy hoạch cho Lâm nghiệp đến năm 2025 để sử dụng cho mục đích phát triển rừng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo triển khai giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo quy hoạch được phê duyệt.

5. Ban Dân tộc.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác tuyên truyền và tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị chủ rừng.

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương; rà soát, đề xuất các dự án đầu tư để thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn hàng năm và 5 năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp;

- Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn;

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn; Tổng hợp, đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình;

- Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; định kỳ báo cáo UBND tỉnh, các Sở ngành liên quan về tiến độ thực hiện Chương trình và tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình ở địa phương.

8. Các sở, ngành liên quan.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện Chương trình; tham gia kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Chương trình.

VII. CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG VÀ BÁO CÁO

1. Khen thưởng.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Chế độ báo cáo.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại mục VI và UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị chủ rừng được giao chỉ tiêu có trách nhiệm tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12 hàng năm) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị chủ rừng và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương chủ động báo cáo đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đình Văn Thiệu